

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 6 năm 2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Thu Hương.

2. Bà Trần Thị Thanh Huyền.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Minh T, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1995. (Có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: B 2, xã M, huyện B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh P ngày 06/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng bố mẹ đẻ anh T tại khu 8, xã S, huyện L, tỉnh P. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, chị L bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ tại B 2, xã M, huyện B, tỉnh L, vợ chồng đã sống ly

thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Minh T xác định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Bùi Thị Linh C, sinh ngày 26/10/2015 và cháu Bùi Chiến Công, sinh ngày 27/11/2016. Ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Anh Bùi Minh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh P ngày 06/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại khu 8, xã S, huyện L, tỉnh P. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, chị về ở cùng bố mẹ đẻ tại B 2, xã M, huyện B, tỉnh L, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay anh Bùi Minh T xin ly hôn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Nông Thị L xác định chị và anh Bùi Minh T có 02 con chung là: cháu Bùi Thị Linh C, sinh ngày 26/10/2015 và cháu Bùi Chiến C, sinh ngày 27/11/2016. Ly hôn, chị L nhất trí quan điểm đề nghị của anh T, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu C.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Chị Nông Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Bùi Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Linh C, sinh ngày 26/10/2015 và cháu Bùi Chiến C, sinh ngày 27/11/2016 đến khi cháu C và cháu C thành niên.

Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Minh T vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Minh T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Bùi Minh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0002039 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho anh T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Anh Bùi Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn với chị Nông Thị L, HKTT tại: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh P. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh T kết hôn với chị Nông Thị L có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh P ngày 06/10/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Anh T và chị L cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau và thường hay xảy ra cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Linh C, sinh ngày 26/10/2015 và Bùi Chiến C, sinh ngày 27/11/2016. Hiện nay cháu C và cháu C đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu và chị L cũng nhất trí khi ly hôn thì giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu C. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, sự phát triển của cháu và xét ý kiến của anh T và chị L vì vậy cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Linh C và cháu Bùi Chiến C là phù hợp.

Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì anh Bùi Minh T tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi Minh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Bùi Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Linh C, sinh ngày 26/10/2015 và cháu Bùi Chiến C, sinh ngày 27/11/2016 đến khi cháu C và cháu C thành niên.

Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Minh T vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Bùi Minh T và chị Nông Thị L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Bùi Minh T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Bùi Minh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0002039 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho anh T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5]. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Cơ quan THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã S, huyện L;
- Lưu HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Việt Giang